

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN CÔNG KHAI
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH THU CHI NĂM HỌC 2023-2024**

Hôm nay hồi 17 giờ ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại phòng họp trường tiểu học Thị Trấn An Lão gồm có:

1. Bà Vũ Hồng Diệp - Bí thư chi bộ, hiệu trưởng nhà trường
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Ngân - Phó bí thư chi bộ, phó hiệu trưởng
3. Bà Phạm Thị Huyền Chang - Chủ tịch công đoàn
4. Bà : Trịnh Thị Phương - Thanh tra nhân dân
5. Bà : Nguyễn Thị Huông - Kế toán
6. Bà : Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký hội đồng

Thực hiện việc công khai điều chỉnh kế hoạch thu chi năm học 2023-2024.

- Nội dung công khai : Công khai điều chỉnh kế hoạch thu chi năm học 2023-2024 (Biểu 02 ban hành theo Thông tư 90 ngày 28/09/2018 của Bộ tài chính; Điều chỉnh kế hoạch thu chi năm học 2023-2024) .

- Hình thức công khai : dán niên yết tại văn phòng nhà trường

- Thời gian công khai : Từ ngày 09 tháng 01 năm 2024 đến ngày 15 tháng 02 năm 2024.

Ban chấp hành công đoàn, thanh tra nhân dân tập hợp ý kiến của cán bộ , giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Ban giám hiệu và bộ phận kế toán có trách nhiệm tiếp thu và giải trình ý kiến.

Biên bản được thông qua và kết thúc hồi 17h30 cùng ngày

Thị Trấn, ngày 10 tháng 01 năm 2024


Hiệu trưởng

Thư ký



Vũ Hồng Diệp

Nguyễn Thị Thu Hằng

Chủ tịch công đoàn

Trưởng ban thanh tra nhân dân


Phạm Thị Huyền Chang


Trịnh Thị Phương

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM NĂM HỌC 2023-2024

(Điều chỉnh mức thu năm học 2023-2024)

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Học phí (nếu có)	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
1.2	Mức thu	
1.3	Tổng số thu trong năm	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	- Chi khác	
1.7	Số dư cuối năm	
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)	
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)	
2.1		
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
2.1.2	Mức thu	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
2.1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	



	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:.....	
2.1.7	Số dư cuối năm	
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)	
3.1		
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
3.1.2	Tổng số thu trong năm	
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	
3.1.5	Số chi trong năm	
	Trong đó: -	
3.1.6	Số dư cuối năm	
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú....	
4.1.	Hỗ trợ người nấu ăn, chăm ăn, trông trưa, công tác quản lý	
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học, toán tư duy....	
5.4	Tiếng anh tự chọn khối 1+2	
5.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	
5.4.2	Mức thu(điều chỉnh từ tháng 11 năm 2023)	40 000đ/tháng
5.4.3	Tổng số thu trong năm	127 680 000
5.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	127 680 000
5.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	127 680 000
5.4.6	Số chi trong năm	127 680 000
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng (73 %)	93 206 400
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất (6,46%)	8 248 100
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....(15%)	19 152 000
	- Chi phúc lợi (5%)	6 384 000
	- Nộp thuế(0.54%)	689 500
5.4.7	Số dư cuối năm	
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở,	
6.1	Nước uống học sinh	

6.1.1	Số học sinh	685
6.1.2	Mức thu	77 000/năm học
6.1.3	Tổng thu	52 745 000
6.1.4	Tổng chi	52 745 000
6.4.5	Dư	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2	Chi quản lý hành chính	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Học phí	



2	Học nghề	
3	Kỹ năng sống	
4	Tiếng anh người nước ngoài (khối 1+2+3+4)	
5	Tiếng anh tăng cường khối 5	
6	Tiếng anh Hoàng Văn Vân khối 1+2	
7	Toán Tư duy	
8	Tin học	
9	Trông ngoài giờ	
10	Hỗ trợ người nấu ăn, chăm ăn, trông trưa, công tác quản lý	
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	

II	Nguồn viện trợ	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
C	MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG	
1	Mức thu nhập của CBQL	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
2	Mức thu nhập của giáo viên	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
D	MỨC CHI CHO HỌC SINH	
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	

Ngày 08 tháng 01 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Hương

Hiệu trưởng

Vũ Hồng Diệp